

Bản án số 92/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30.12.2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Ông Nguyễn Văn Cơ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, tHnh phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:*
Ông Đỗ Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 429/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hoài T - sinh năm 1972, (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Việt H1 - sinh năm 1972, (Vắng mặt, không có lý do).

Cùng nơi cư trú: 239 đường P, tổ 7, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện về việc ly hôn gửi đến Tòa án ngày 01 tháng 10 năm 2024 và tại Bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2024, nguyên đơn - bà Trần Thị Hoài T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Việt H1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Nam Hà (Nay là xã T, huyện T, tỉnh

Nam Định) vào năm 1994. Sau khi kết hôn, bà và ông H1 sống ở Nam Định, đến tháng 12 năm 1999 thì chuyển vào Đà Nẵng sinh sống nhiều nơi cho đến nay. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2018. Nguyên nhân là do ông H1 thừa nhận có người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Nay, bà xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H1.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông H1 có 03 (Ba) con chung là Nguyễn Thị Hương G - sinh năm 1995, Nguyễn Trần Khánh L - sinh năm 2003 và Nguyễn Duy H2 - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2015. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Duy H2 và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung Duy H2. Các con chung Nguyễn Thị Hương Giang và Nguyễn Trần Khánh L đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ chia tài sản: Bà xác định bà và ông H1 có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; xác định không nợ ai và không ai nợ bà và ông H1.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Duy H2 và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

* Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức giao trực tiếp cho con Nguyễn Thị Hương G cam kết giao lại cho cha, do ông Nguyễn Việt H1 thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H1 không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông H1 vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý, giải quyết và tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 195, 196 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự theo quy định tại Mục 3 Chương XIV Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Hoài T đối với ông Nguyễn Việt H1; căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu về nuôi con Nguyễn Duy H2 của bà

T. Bà T không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn - ông Nguyễn Việt H1, nhưng tại phiên tòa ông H1 vắng mặt lần hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H1.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Hoài T và ông Nguyễn Việt H1 đăng ký kết hôn vào năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Hà. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà T và ông H1 là hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông H1, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông H1 không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông H1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2018. Nguyên nhân theo bà T trình bày là do ông H1 thừa nhận có người phụ nữ khác. Việc ông H1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông H1 không có mong muốn đoàn tụ, để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T đối với ông H1, xử cho bà T được ly hôn với ông H1.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Bà T và ông H1 có 03 (Ba) con chung là Nguyễn Thị Hương G - sinh năm 1995, Nguyễn Trần Khánh L - sinh năm 2003 và Nguyễn Duy H2 - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2015. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Duy H2.

Xét, ông H không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, con chung Nguyễn Duy H2 có nguyện vọng được sống với mẹ. Căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, xử giao con chung Nguyễn Duy H2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thanh niên (*Đủ 18 tuổi*) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Duy H2 nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Các con chung Nguyễn Thị Hương G và Nguyễn Trần Khánh L đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về quan hệ chia tài sản: Bà T xác định bà và ông H tự thỏa thuận về tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của bà và ông H1 nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Hoài T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Hoài T đối với ông Nguyễn Việt H1 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà T được ly hôn với ông H1.

* Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao con chung Nguyễn Duy H2 - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Các con chung Nguyễn Thị Hương G - sinh năm 1995 và Nguyễn Trần Khánh L - sinh năm 2003 đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

* Về quan hệ chia tài sản: Bà T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; xác định bà và ông H1 không nợ của ai, không có ai nợ của bà và ông H1.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Trần Thị Hoài T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai T số 0008830 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS. quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy